

**PHỤ LỤC**

*(Kèm theo Quyết định số 1481/QĐ-SGTVT ngày 30/12/2024 của Sở Giao thông vận tải tỉnh Đồng Nai về việc công bố công khai giao dự toán thu ngân sách nhà nước - chi ngân sách địa phương tỉnh Đồng Nai năm 2025 của Sở Giao thông vận tải tỉnh Đồng Nai)*

**Của đơn vị: Sở Giao thông vận tải tỉnh Đồng Nai**

**Chương 421**

*ĐVT: triệu đồng*

LOẠI/ KHOẢN	NỘI DUNG	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó			
			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương của ngân sách tỉnh	Dự toán đơn vị được sử dụng sau khi trừ tiết kiệm	Bao gồm:	
					Nguồn Cải cách tiền lương tại đơn vị	Nguồn Ngân sách tỉnh cấp
A	B	(1)=(2)+(3)	(2)	(3)= (4)+(5)	(4)	(5)
	<b>I/ DỰ TOÁN THU NS:</b>	<b>245,441</b>				
	<b>1/ Tổng dự toán thu</b>	<b>245,441</b>				
	<b>1.1. Thu phí, lệ phí</b>	<b>181,691</b>				
	<b>a. Cơ quan Sở GTVT</b>	<b>37,491</b>				
	- Thu phí:	18,573				
	+ <i>Phí thi sát hạch giấy phép lái xe</i>	18,270				
	+ <i>Phí đăng ký hoạt động bến thủy</i>	3				
	+ <i>Phí thẩm định thiết kế kỹ thuật công trình</i>	300				
	- Thu lệ phí:	18,918				
	+ <i>Lệ phí quản lý lái xe, cấp GPLX</i>	18,900				
	+ <i>Lệ phí đăng ký biển số xe máy công trình + giấy chứng nhận</i>	3				
	+ <i>Lệ phí đăng ký phương tiện vận tải thủy</i>	15				
	<b>b. Cảng vụ Đường thủy</b>	<b>1,000</b>				
	- Thu phí:	840				

LOẠI/ KHOẢN	NỘI DUNG	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiên lương của ngân sách tỉnh	Dự toán đơn vị được sử dụng sau khi trừ tiết kiệm	Nguồn Cải cách tiền lương tại đơn vị	Nguồn Ngân sách tỉnh cấp
	- Thu lệ phí:	160				
	<b>c. Trung tâm Đăng kiểm</b>	<b>143,200</b>				
	- Thu phí sử dụng đường bộ:	140,000				
	- Thu lệ phí:	3,200				
	<b>1.2 Thu sự nghiệp, dịch vụ</b>	<b>63,750</b>				
	- Trung tâm QL ĐHVTHKCC	1,250				
	- Trung tâm đào tạo sát hạch lái xe loại I	50,000				
	- Trung tâm Đăng kiểm	12,500				
	<b>II/ DỰ TOÁN CHI NS:</b>	<b>97,135</b>	<b>7,112</b>	<b>90,023</b>	<b>0</b>	<b>90,023</b>
	Bao gồm:					
<b>340</b>	<b>A. Chi QLNN:</b>	<b>26,609</b>	<b>807</b>	<b>25,802</b>	<b>0</b>	<b>25,802</b>
	<b>I. Kinh phí thường xuyên/ tự chủ:</b>	<b>26,249</b>	<b>771</b>	<b>25,478</b>	<b>0</b>	<b>25,478</b>
	<b>1. Cơ quan Sở GTVT</b>	<b>13,389</b>	<b>456</b>	<b>12,933</b>	<b>0</b>	<b>12,933</b>
	- Chi con người	8,829		8,829		8,829
	- Chi hoạt động (57 biên chế x 80 triệu)	4,560	456	4,104		4,104
	<b>2. Thanh tra Sở giao thông</b>	<b>12,860</b>	<b>315</b>	<b>12,545</b>	<b>0</b>	<b>12,545</b>
	- Chi con người	9,710		9,710		9,710
	- Chi hoạt động (45 biên chế x 70 triệu)	3,150	315	2,835		2,835
	<b>II. Kinh phí không thường xuyên/ không tự chủ:</b>	<b>360</b>	<b>36</b>	<b>324</b>	<b>0</b>	<b>324</b>
	<b>1. Thanh tra Sở giao thông</b>	<b>360</b>	<b>36</b>	<b>324</b>	<b>0</b>	<b>324</b>
	- Mua sắm trang phục ngành	360	36	324		324
<b>280</b>	<b>B. Chi sự nghiệp</b>	<b>70,526</b>	<b>6,305</b>	<b>64,221</b>	<b>0</b>	<b>64,221</b>

LOẠI/ KHOẢN	NỘI DUNG	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiên lương của ngân sách tỉnh	Dự toán đơn vị được sử dụng sau khi trừ tiết kiệm	Nguồn Cải cách tiền lương tại đơn vị	Nguồn Ngân sách tỉnh cấp
	<b>I. Chi sự nghiệp Giao thông: Kinh phí thường xuyên/Tự chủ</b>	<b>7,473</b>	<b>0</b>	<b>7,473</b>	<b>0</b>	<b>7,473</b>
	<b>1. Trung tâm QL ĐHVTHKCC</b>	<b>5,620</b>	<b>0</b>	<b>5,620</b>	<b>0</b>	<b>5,620</b>
	- Hỗ trợ kinh phí hoạt động thường xuyên	5,620		5,620		5,620
	<b>2. Cảng vụ Đường thủy nội địa</b>	<b>1,853</b>	<b>0</b>	<b>1,853</b>	<b>0</b>	<b>1,853</b>
	- Hỗ trợ kinh phí hoạt động	1,853		1,853		1,853
	<b>II. Chi sự nghiệp Giao thông: Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ</b>	<b>16,858</b>	<b>1,686</b>	<b>15,172</b>	<b>0</b>	<b>15,172</b>
	<b>1. Cơ quan Sở GTVT</b>	<b>16,733</b>	<b>1,673</b>	<b>15,060</b>	<b>0</b>	<b>15,060</b>
	- Kinh phí hoạt động thu phí lệ phí lệ phí các loại	12,933	1,293	11,640		11,640
	- Trích 75% phí SHLX (5 tháng 2023 và năm 2024)	3,700	370	3,330		3,330
	- Kinh phí phục vụ công tác XD VBVPPL	100	10	90		90
	<b>2. Cảng vụ Đường thủy nội địa</b>	<b>125</b>	<b>13</b>	<b>112</b>	<b>0</b>	<b>112</b>
	- Mua sắm trang phục ngành	125	13	112		112
	<b>III. Chi sự nghiệp Giao thông: Kinh phí không thường xuyên (Kinh phí bảo đảm TT ATGT - Mã CTMTQG - 10972)</b>	<b>11,195</b>	<b>1,119</b>	<b>10,076</b>	<b>0</b>	<b>10,076</b>
	<b>1. Cơ quan Sở GTVT</b>	<b>3,803</b>	<b>380</b>	<b>3,423</b>	<b>0</b>	<b>3,423</b>
	- Công tác đảm bảo TT ATGT tết hàng năm	100	10	90		90
	- Mua sắm HT thông tin, quản lý VTHKCC	913	91	822		822

<b>LOẠI/ KHOẢN</b>	<b>NỘI DUNG</b>	<b>TỔNG DỰ TOÁN GIAO</b>	<b>Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiên lương của ngân sách tỉnh</b>	<b>Dự toán đơn vị được sử dụng sau khi trừ tiết kiệm</b>	<b>Nguồn Cải cách tiền lương tại đơn vị</b>	<b>Nguồn Ngân sách tỉnh cấp</b>
	- Kinh phí xét duyệt, khen thưởng danh hiệu lái xe an toàn, DN vận tải an toàn hàng năm	200	20	180		180
	- Công tác tuyên truyền đảm bảo TTATGT, tổ chức HN triển khai ND chính phủ, Thông tư của Bộ GTVT và đối ngoại doanh nghiệp, HTX và đối thoại doanh nghiệp, triển khai công tác đào tạo sát hạch GPLX	100	10	90		90
	- Tăng cường bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trong hoạt động đưa rước học sinh bằng xe ô tô trên địa bàn tỉnh đầu năm học	40	4	36		36
	- Trang bị máy in GPLX và thiết bị văn phòng giám sát trạm ĐK	1,250	125	1,125		1,125
	- Trang bị kệ hồ sơ lưu trữ, hộp hồ sơ dự án	200	20	180		180
	- Trang bị máy vi tính, máy in, máy chiếu và thiết bị văn phòng	400	40	360		360
	- Kinh phí trả sau QT các DA có vốn SN các năm trước đến nay được QT DAHT	500	50	450		450
	- Kinh phí duy trì trang TTĐT của ngành GT hàng năm	100	10	90		90
	<b>2. Thanh tra Sở giao thông</b>	<b>2,652</b>	<b>265</b>	<b>2,387</b>	<b>0</b>	<b>2,387</b>
	- Chi thuê mượn văn phòng cho các đội TTGT	200	20	180		180

LOẠI/ KHOẢN	NỘI DUNG	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiên lương của ngân sách tỉnh	Dự toán đơn vị được sử dụng sau khi trừ tiết kiệm	Nguồn Cải cách tiền lương tại đơn vị	Nguồn Ngân sách tỉnh cấp
	- Chi tiền điện, nước các VP đội TTGT	150	15	135		135
	- Chi tiền nhiên liệu phục vụ công tác ATGT	1,402	140	1,262		1,262
	- Chi vật tư văn phòng, văn phòng phẩm phục vụ công tác ATGT	60	6	54		54
	- In biên bản và các quyết định xử phạt VPHC	30	3	27		27
	- Cước bưu chính (Tổng phạt các QĐ xử phạt)	20	2	18		18
	- Sửa chữa thường xuyên TSCĐ phục vụ công tác ATGT	640	64	576		576
	- Phí lệ phí, bảo hiểm xe , cano các đội TTGT	150	15	135		135
	<b>3. Trung tâm QL ĐHVTHKCC</b>	<b>4,160</b>	<b>416</b>	<b>3,744</b>	<b>0</b>	<b>3,744</b>
	- Thuê Trạm điều hành xe buýt tại các bến	60	6	54		54
	- Kinh phí làm biển dừng, kẻ vạch sơn, nhà chờ xe buýt	4,000	400	3,600		3,600
	- Chi khác, bảo trì hệ thống CNTT, bảng led, thông tin chỉ dẫn tại nhà chờ, ...	100	10	90		90
	<b>4. Cảng vụ Đường thủy nội địa</b>	<b>580</b>	<b>58</b>	<b>522</b>	<b>0</b>	<b>522</b>
	- Nhiên liệu phục vụ công tác phòng chống lụt bão, cứu hộ cứu nạn, tuần tra, kiểm tra ATGT đường thủy	450	45	405		405
	- Vật tư VP	50	5	45		45
	- Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng bảo trì 02 cano, 02 nhà nổi cano và 01 xe ô tô	80	8	72		72

LOẠI/ KHOẢN	NỘI DUNG	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương của ngân sách tỉnh	Dự toán đơn vị được sử dụng sau khi trừ tiết kiệm	Nguồn Cải cách tiền lương tại đơn vị	Nguồn Ngân sách tỉnh cấp
	<b>IV. Chi sự nghiệp Giao thông: Kinh phí không thường xuyên (Phí sử dụng đường bộ - Mã CTMTQG 10959)</b>	<b>35,000</b>	<b>3,500</b>	<b>31,500</b>	<b>0</b>	<b>31,500</b>
	<b>1. Cơ quan Sở GTVT</b>	<b>35,000</b>	<b>3,500</b>	<b>31,500</b>	<b>0</b>	<b>31,500</b>
	- Công tác DTSC TX (đường bộ + đường thủy)	20,000	2,000	18,000		18,000
	- Công tác DTSC đột xuất	15,000	1,500	13,500		13,500

**\* Ghi chú:**

- Về việc thực hiện và chấp hành dự toán 2025, đề nghị đơn vị thực hiện theo hướng dẫn tại văn bản số 8530/STC-TCHCSN ngày 16/12/2024 của Sở Tài chính.
- Số tiết kiệm thực hiện theo Quyết định số 1524/QĐ-TTg ngày 06/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự ngân sách nhà nước năm 2025.
- Đối với nguồn kinh phí thực hiện các Chương trình Mục tiêu quốc gia và nguồn kinh phí bổ sung có mục tiêu từ nguồn NS TW, đề nghị các đơn vị phân bổ và sử dụng theo đúng mã nguồn của Chương trình MTQG theo quy định.
- Đối với các nhiệm vụ mua sắm, đơn vị chỉ được sử dụng dự toán sau khi được phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện theo Quy định tại Nghị định số 138/2024/NĐ-CP ngày 24/10/2024 của Chính phủ.
- Định mức phân bổ cho ĐVSNCL đã bao gồm quỹ lương tăng thêm theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ. Trường hợp kinh phí thực hiện chính sách tiền lương theo NĐ 73/2024 /NĐ-CP sử dụng không hết đề nghị đơn vị nộp trả lại NSNN theo quy định.